

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan

2. Ông Lê Cát Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXX- ST ngày 31 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983.

Cùng HKTT: Phố 3, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Th; Vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/3/2009 tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu say xỉn, chửi bới đánh đập vợ con và không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Từ cuối năm 2018, chị Th và các con đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở còn anh H vẫn ở nhà bố mẹ đẻ ở phường Đ, thành phố H. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không

còn, nên đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 19/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 01/5/2013. Nguyên vọng của chị Th khi ly hôn được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Th yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave S, BKS 36B1-992.08 mang tên Nguyễn Hữu H trị giá 7.000.000đ. Nguyên vọng của chị Th khi ly hôn được nhận chiếc xe làm phương tiện đi lại, chị có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền 3.500.000đ.

Tại phiên tòa, chị Th xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Nguyễn Hữu H và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Triệu tập anh H đến Toà án để tự khai cũng như tham gia phiên họp và hoà giải. Mặc dù được giao các thông báo hợp lệ nhưng anh H không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Toà án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Chị Th và anh H kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H chung sống cùng gia đình nhà chồng tại phố 3, phường Đ, thành phố H. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Hiện tại anh H vẫn sinh sống tại địa phương cùng với bố đẻ. Còn chị Th đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở sinh sống. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Hữu H và được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng anh H không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28,35,39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Th đối với anh Nguyễn Hữu H. Giao cháu Q

và cháu Hà L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp nuôi con chung; Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Hữu H vắng mặt tại phiên tòa, anh Hưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị Th đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án, nên Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Hữu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu say, đánh đập vợ con, không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị Th không còn tình cảm với anh H; Vợ chồng đã sống ly thân và hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị Th nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần để hòa giải nhưng anh H vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh H không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Th về việc xin ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

[3] Về con chung: Chị Th và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 19/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 01/5/2013. Nguyên vọng của chị Th khi ly hôn được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai, cháu Nguyễn Thị Q và cháu Nguyễn Thị Hà L khai: Chuyện tình cảm của bố mẹ cháu, cháu không can thiệp được, nhưng nếu bố mẹ cháu phải ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

Xét thấy: Anh H không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến về con chung. Hiện nay các cháu còn nhỏ và đang ở với chị Th, chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con từ trước đến nay. Chị Th làm công ty may mặc, có thu nhập ổn định, nên có đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

Để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, học tập cũng như nguyện vọng chính đáng của các cháu, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu Q và Hà L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Giành cho anh Nguyễn Hữu H quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị Th rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Xử: - Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Công nhận chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Hữu H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 19/9/2011 và cháu Nguyễn Thị Hà L, sinh ngày 01/5/2013.

Giao cháu Nguyễn Thị Q và cháu Nguyễn Thị Hà L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Hữu H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu.

- Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị Th.

- Về án phí: Chị Lê Thị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001832 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh